TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HS-ST
Ngày: 26-9-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Nguyễn Thị Hà.

2/Ông Nguyễn Bá Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H – cơ sở 1 xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 143/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Văn Hùng C, sinh năm 1969 tại Thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn H và bà Phan Thị Kim L; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 16/5/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: 21/32 đường B, khu phố M, phường H, Thành phố H. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Thế P, sinh năm 1960

Địa chỉ: 1/40/11 đường Đ, phường G, Thành phố H. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Công ty S.

Địa chỉ: 220 bis đường N, phường T, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng năm 1995, qua các mối quan hệ xã hội, Võ Văn Hùng C quen biết với Trần Văn H1 và Lê Kim X và bàn nhau sẽ mua trả góp xe mô tô rồi lừa bán lại cho người khác với giá thấp hơn giá trị thực tế để chiếm đoạt tài sản cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 02/11/1996, Trần Văn H1, Lê Kim X và Võ Văn Hùng C đã liên hệ nhân viên của cửa hàng xe số 120F đường Đ, phường Đ, quận M là ông Đinh

Thế P làm Hợp đồng bán xe trả góp số 69/96/120/HĐTG.DVSG ngày 02/11/1996 do Lê Kim X đứng tên mua góp chiếc xe mô tô HONDA DREAM II, Số sườn: 0467225; số máy: 0467225 với tổng giá trị là 2951 USD, tương đương 32.540.677 đồng; gồm giá trị xe là 2700 USD và 251 USD lãi suất trả góp, X trả trước cho cửa hàng 12.741.570 đồng, tương đương 1151 USD; 01 USD bằng 11.070 đồng, còn 1800 đồng (tương đương 19.926.000 đồng) sẽ tiến hành trả góp 18 tháng cho cửa hàng.

Cùng ngày, C, H1 và X bán chiếc xe HONDA DREAM II, Số sườn: 0467225; số máy: 0467225 cho ông Trần Văn T với giá là 23.000.000 đồng, hứa hẹn với ông T là 01 tháng sau sẽ có giấy tờ hợp lệ của chiếc xe này. Ông T đưa trước 22.500.000 đồng cho H1, khi nào có giấy tờ thì đưa 500.000 đồng còn lại. C là người viết giấy bán xe, H1 là người ký tên bán xe. Xong việc mua bán xe, H1 cho C được hưởng lợi 1.000.000 đồng đối với chiếc xe này.

Vụ thứ 2: Ngày 09/11/1996, Trần Văn H1 và Võ Văn Hùng C đã liên hệ nhân viên của cửa hàng xe số 120F đường Đ, phường Đ, quận M là ông Đinh Thế P làm Hợp đồng bán xe trả góp số 82/96/120/HĐTG.DVSG ngày 09/11/1996 do Võ Văn Hùng C đứng tên mua góp chiếc xe mô tô SUZUKI CRYSTAL, số sườn: 223372; số máy: 223254 với số tiền là 2012 USD, tương đương 22.186.324 đồng, với tỷ giá 1 USD bằng 11.027 đồng, gồm giá trị xe là 1800 USD và 212 USD lãi suất trả góp, C trả trước cho cửa hàng 5.535.000 đồng, tương đương 500 USD, với tỷ giá quy đổi tại cửa hàng là 11.070 đồng, còn 1512 USD tương đương 16.672.824 đồng, với tỷ giá 1 USD bằng 11.027 đồng sẽ tiến hành trả góp trong 18 tháng cho cửa hàng.

Cùng ngày, C, H1 tiếp tục liên hệ và bán chiếc xe SUZUKI CRYSTAL cho ông Trần Văn T với số tiền 13.000.000 đồng và hẹn với ông T là 01 tháng sau sẽ có giấy tờ hợp lệ của chiếc xe.

Khi đến hẹn nhưng không thấy nhóm của C, H1 cung cấp giấy tờ xe hợp pháp cho mình, ông T đi tìm C, H1 thì phát hiện cả hai đã bỏ trốn. C, H1, X cũng không thanh toán tiền trả góp hàng tháng cho cửa hàng xe số 120F đường Đ, phường Đ, quận M, nên Công S đã làm đơn tố cáo số đối tượng trên đến Công an quận M.

Khoảng cuối tháng 01/1997, do không tìm được C, H1, X, ông T đã tìm đến cửa hàng 120F đường Đ, phường Đ, quận M gặp nhân viên để hỏi về giấy tờ xe thì bị nhân viên ở đây giữ lại, báo cho Công an quận M giải quyết. Qua làm việc với Cơ quan điều tra, ông T trình báo bị H1, C lừa bán xe, không nói cho ông biết là xe mua trả góp mà tin tưởng là xe bán giá rẻ nên đồng ý mua. Ông T đồng ý tự nguyện tiếp tục đóng tiền góp hàng tháng chiếc xe Dream II biển số 52L1 - 5750 theo hợp đồng mua xe trả góp cho đến hết. Sau đó, ông T đã hoàn thành việc trả góp chiếc xe Dream II biển số 52L1 - 5750 cho Cửa hàng 120F đường Đ theo đúng thời gian còn lại. Đối với chiếc xe SUZUKI CRYSTAL biển số 52M1-5777, ông T giao nộp cho cửa hàng 120F đường Đ, phường Đ, quận M để xử lý.

Ngày 14/3/1997, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận M khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo, Lệnh truy nã đối với Võ Văn Hùng C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa". Đến ngày 16/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H bắt đối tượng có quyết định truy nã số 29/97 ngày 14/3/1997 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận M đối với Võ Văn Hùng C, theo Biên bản bắt người đang bị truy nã lập tại Công an thị trấn C, tỉnh L và dẫn giải về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Văn Hùng C khai nhận: Do cần tiền để tiêu xài, H1 hướng dẫn cho C việc mua xe trả góp rồi bán lại cho người khác thấp hơn giá trị thực tế. C liên hệ với ông T để bán xe, C và H1 tự giới thiệu mình là nhân viên của cửa hàng bán xe máy có thể mua xe với giá rẻ hơn để bán lại. C và H1 đã bán cho ông T 01 chiếc xe Honda Dream II biển số 52L1-5750 và 01 chiếc xe SUZUKI CRYSTAL biển số 52M1-5777 và không nói cho ông T biết 02 chiếc xe này là mua trả góp. Sau khi giao xe cho ông T, C không thanh toán tiền góp xe cho cửa hàng xe số 120F đường Đ như thỏa thuận trong hợp đồng. Do không có khả năng chi trả góp xe cho Công ty SAVICO và C biết mình bị truy nã, sợ bị đi tù nên C đã bỏ trốn.

Lời khai của C phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất, nhận dạng cùng các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thu thập được.

- Đối với Lê Kim X, ngày 22/01/1999, bị Công an quận M bắt và khởi tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa". Tòa án nhân dân Thành phố H xử án 04 năm tù giam theo Bản án 2485/HSST ngày 18/10/1999.

- Đối với Hoàng Thị Anh Đ, ngày 28/6/1997, bị Công an quận M bắt và khởi tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa". Tòa án nhân dân Thành phố H xử 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày xử sơ thẩm theo Bản án số 2069/HSST ngày 14/10/1998.

- Đối với Trần Văn H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra truy xét, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

* Vật chứng gồm có: 01 (một) DVD ghi lại quá trình lấy lời khai, hỏi cung Võ Văn Hùng C tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

* Trách nhiệm dân sự: Ngày 15/7/2025, đại diện gia đình của Võ Văn Hùng C đã bồi thường cho ông Trần Văn T 17.000.000 đồng theo đề nghị của ông T, ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

- Đại diện theo ủy quyền của Công ty S là ông Trần Hữu T không có yêu cầu gì đối với vụ việc này.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKSKV1 ngày 04 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H đã truy tố bị cáo Võ Văn Hùng C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025 tuyên bố bị cáo phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự đã bồi thường xong. Vật chứng trong vụ án không có thu giữ.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 02, 09/11/1996, tại cửa hàng 120F đường Đ, phường Đ, quận M, Võ Văn Hùng C, Trần Văn H1, Lê Kim X có hành vi gian dối che giấu việc mua 02 chiếc xe mô tô bằng hình thức trả góp, tự giới thiệu mình là nhân viên cửa hàng nên có thể mua xe với giá thấp hơn rồi bán lại 02 xe mô tô cho ông Trần Văn T, gồm: Xe HONDA DREAM II (số sườn: 0467225; số máy: 0467225) và SUZUKI CRYSTAL (số sườn: 223372; số máy: 223254). Số tiền Võ Văn Hùng C, Lê Kim X và Trần Văn H1 chiếm đoạt của ông Trần Văn T khi bán 02 chiếc xe mô tô có giá trị là 17.223.430 đồng; trong đó, C hưởng lợi 8.465.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 1985 được sửa đổi, bổ sung năm 1992. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, nay là tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp "trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng", tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như sau: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình để khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, hiện nay bị cáo mắc nhiều bệnh nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận xong tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên phần dân sự không có gì giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm

2025: Xử phạt bị cáo Võ Văn Hùng C 01 (một) năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2025.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.H;
- Sở Tư pháp TP. H;
- VKSND Khu vực 1, TP.H;
- Công an Thành phố H;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP.H;
- Thi hành án hình sự Khu vực 1, TP.H;
- Lưu VP - hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nhật Minh

TAND KHU VỰC 1

DCY260925.TL.QDBA
3030